

Bản án số: 1900/2022/DS-ST

Ngày: 30/5/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Châu Tiên;

2. Ông Dương Hoàng Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 836/2021/TLST-DS ngày 27/12/2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2660/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1985

Địa chỉ: A đường B, khu phố C, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đại B, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo Giấy uỷ quyền ngày 06/12/2021). (Có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ vận tải T

Trụ sở: A đường số B, khu phố C, phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1988

Địa chỉ: A đường số B, khu phố C, phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1988

Địa chỉ: A đường số B, khu phố C, phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: Ông Nguyễn Văn Đ có quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị Mỹ P là giám đốc công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ vận tải T (gọi tắt là công ty T). Đầu tháng 03/2021 bà P có đề cập đến việc công ty T đang cần tiền đáo hạn khoản vay tại ngân hàng, nếu không có tiền trả sẽ bị Ngân hàng kê biên tài sản. Vì vậy, bà P đề nghị ông Đ cho công ty T vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng để công ty thực hiện việc đáo hạn cho ngân hàng.

Ông Đ đã đồng ý với đề nghị của đại diện công ty T, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau và trao đổi qua tin nhắn zalo về việc vay mượn, theo đó khoản vay trên với mục đích để đáo hạn ngân hàng; Lãi suất sẽ tính theo ngày, hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 0.05%/ngày, tương ứng tiền lãi là 500.000 đồng/ngày; Thời hạn vay chậm nhất đến ngày 10/3/2021 sẽ trả cả gốc và lãi. Thực hiện nội dung thỏa thuận trên, ngày 05/3/2021, ông Đ chuyển tiền vào số tài khoản: 184105063 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ vận tải T 04 (bốn) lần: lần 1: 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), lần 2: 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), lần 3: 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), lần 4: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Tổng cộng 04 lần chuyển tiền, ông Đ đã cho công ty T (do bà P làm đại diện theo pháp luật) vay số tiền là: 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng.

Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền công ty đã không thực hiện đúng như cam kết trước đó, ông Đ đã nhiều lần đến trực tiếp, gọi điện và gửi công văn yêu cầu công ty T trả khoản nợ 1.000.000.000 (một tỷ) đồng đã vay của ông Đ, nhưng không nhận được phản hồi từ phía công ty.

Nhận thấy hành vi của công ty T đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ. Nay yêu cầu công ty T phải trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), kèm lãi suất trong thời hạn vay từ ngày 05/3/2021 đến ngày 10/3/2021 với mức lãi suất thoả thuận 0.05%/ngày là: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0.05 \times 5 \text{ ngày} = 2.500.000 \text{ đồng}$ (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 11/3/2021 đến ngày đưa vụ án ra xét xử ngày 30/5/2022 với mức lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng) là: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 14 \text{ tháng} = 116.200.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền yêu cầu công ty T phải trả là: 1.118.500.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ vận tải T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mỹ P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa, ngoài việc vi phạm thời hạn giải quyết còn lại Tòa án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét ông Đ xác định việc cho vay mục đích làm ăn chỉ liên quan đến cá nhân ông, không liên quan đến vợ ông là bà Trương Thị Mỹ P, phù hợp với nội dung khai của bà P nên không cần thiết đưa vợ ông Đ tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Do bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

- Xét về hình thức: Việc thỏa thuận vay tiền giữa các bên được lập theo thỏa thuận miệng và các nội dung tin nhắn. Việc xác lập giao dịch hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Theo nội dung được thỏa thuận tại các tin nhắn Zalo đã được ghi nhận trong Vi bằng số 28/2022/VB-TPLDA ngày 11/01/2022. Ông Đ cho công ty T vay số tiền 1.000.000.000 đồng với mục đích để đáo hạn ngân hàng, khoản vay có lãi suất và thanh toán khi trả tiền vốn. Thời hạn trả tiền chậm nhất ngày 10/3/2021.

Thực hiện thỏa thuận, ngày 05/3/2021, ông Đ đã chuyển đủ tiền cho bị đơn thông qua 04 Giấy báo nợ ngân hàng, chuyển tổng số tiền 01 tỷ đồng vào số tài khoản của bị đơn đã gửi trước đó cho nguyên đơn được ghi nhận trong Vi bằng và phù hợp với kết quả xác minh tài khoản ngày 04/01/2022 của bị đơn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Do quá thời hạn thoả thuận nhưng bị đơn không thanh toán cả vốn và lãi nên xác định đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về tiền lãi các bên có thoả thuận và được ghi nhận trong các nội dung trao đổi, tuy nhiên mức lãi suất không được thoả thuận rõ. Nguyên đơn xác định cho vay với lãi suất 0.05%/ngày, tương ứng tiền lãi là 500.000 đồng/ngày, mức lãi suất này tương đương 18%/năm nhưng không có tài liệu chứng cứ nào xác định đây là mức lãi suất được hai bên thoả thuận. Do vậy, tại phiên toà nguyên đơn yêu cầu tiền lãi trong hạn được xác định là 10%/năm theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và lãi trong hạn được tính từ ngày 05/3/2021 đến ngày 10/3/2021 là phù hợp.

Về lãi suất quá hạn, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm tính từ ngày 11/3/2021 đến khi xét xử và làm tròn 14 tháng là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do vậy:

Số tiền lãi trong hạn = 1.000.000.000 đồng x 0.028%/ngày x 05 ngày = 1.400.000 đồng;

Số tiền lãi quá hạn = 1.000.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 14 tháng = 116.200.000 đồng;

Tổng số tiền vốn và lãi phải thanh toán = 1.000.000.000 đồng + 1.400.000 đồng + 116.200.000 đồng = 1.117.600.000 đồng.

Đối với tiền lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nguyên đơn tự nguyện yêu cầu bị đơn chỉ phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được ghi nhận.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ vận tải T;

- Buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ vận tải T trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền vốn 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng và tiền lãi trong hạn 1.400.000 đồng và lãi quá hạn 116.200.000 đồng. Tổng cộng 1.117.600.000 (*Một tỷ, một trăm mười bảy triệu, sáu trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ vận tải T phải chịu 45.528.000 (*Bốn mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn*) đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ số tiền 21.000.000 (*Hai mươi một triệu*) đồng theo biên lai số 0025280 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Khắc Hưng